

Bản án số: 563/2024/DS-PT

Ngày: 08/11/2024

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Kim Ngân
- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 352/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2024/DS-ST ngày: 15-08-2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4060/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1961;

Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B là ông Nguyễn Văn T (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 31/10/2023).

2. Bị đơn:

- Ông Lê Tấn H, sinh năm 1970;

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: tổ A ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Người kháng cáo:* Ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D là bị đơn trong vụ án.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn T (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B) trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị B là chủ sử dụng thửa đất số 125, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre với diện tích 2725,6m² và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (số phát hành BM817505; số vào sổ GCN: CH01505) do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 05/12/2012. Thửa đất này, ông bà nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn N vào năm 2001 và sử dụng ổn định từ đó đến nay; đến tháng 12/2012 được Ủy ban nhân dân huyện C cập nhật số liệu Vlap và có tọa độ rõ ràng. Tại vị trí phía đông nam thửa đất số 125 giáp ranh giới với phần đất thuộc thửa đất số 89, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre thuộc quyền sử dụng của ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D. Vào tháng 05/2023 ông, bà có tiến hành làm hàng rào tại vị trí từ điểm số 5 đến điểm số A, từ điểm số 1 đến điểm số 2 (Theo Sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thửa đất số 125 và 89, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre) thì ông Lê Tấn H lại đứng ra tranh chấp và trình báo với Ủy ban nhân dân xã S về việc tranh chấp tại hàng rào. Ông H cho rằng phần hàng rào đã lấn chiếm sang phần đất của ông H, Ủy ban nhân dân xã S có cử cán bộ đo đạc đến xem xét và xử lý, kết quả xác minh hàng rào vẫn còn trên phần đất của ông, bà và còn dư sang phần đất liền kề của ông H có chiều ngang khoảng 1,4m – chiều dài 34,16m. Lý do ông, bà làm hàng rào không hết đất là do phía ông H đã đào mương nhỏ và ốp lên liếp đất phục vụ cải tạo sân riêng của ông H, không cho ông, bà rào thêm qua phần đất còn lại nên ông, bà chỉ rào kèm đến vị trí hàng rào hiện tại để tránh mất lòng nhưng ông H còn nói ông, bà lấn đất nên mới xảy ra tranh chấp. Giữa ông, bà với ông H, bà D đã nhiều lần thương lượng về ranh, mốc để đảm bảo về quyền và lợi ích cho cả đôi bên. Tuy nhiên, các bên vẫn không thống nhất và sau đó được lập biên bản hòa giải không thành tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre về việc tranh chấp đất đai ngày 08/09/2023.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông, bà được cấp thì ông H,

bà D đã sử dụng lấn qua phần đất của ông bà có diện tích là 53.5m². Vì vậy, nay ông, bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre giải quyết buộc ông H, bà D phải trả lại cho ông, bà phần đất lấn chiếm có diện tích 53.5m² thuộc một phần thửa đất số 125 tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị D thống nhất trình bày:

Ông, bà là chủ sử dụng thửa đất số 89, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trước đây phần đất của ông, bà là đất dây chạy dài cùng đất của ông Hồ Khải M, thời điểm đó ông Hồ Khải M lên vườn trước, còn đất ông, bà lên vườn sau. Lúc đó ông, bà có đào mương ranh để thoát nước, có bỏ từ nọc ranh bằng sắt ra năm tấc chạy dài theo đất ra tới mặt trước. Thời gian sau ông Hồ Khải M bán (chuyển nhượng) cho ông Trang Sĩ N1 một phần đất đầu sau giáp ranh với đất của ông, bà. Sau đó ông N1 làm hàng rào dây chì từ nọc ranh bằng sắt tới phần đất giáp ranh của ông M. Ông N1 có trồng một cây gòn để làm nọc ranh. Sau đó ông M chuyển nhượng cho ông, bà một liếp đất cập ranh chạy dài ra tới mặt trước, mặt sau giáp với ông N1 (nọc ranh từ cây gòn), rồi sau đó ông N1 chuyển nhượng phần đất đó lại cho ông Nguyễn Văn T. Khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T thì các bên không có mời ông, bà ra ký tứ cận cận, sau đó ông Nguyễn Văn H1 làm việc ở ấp có kêu ông, bà chỉ trụ đá để quẹt nước sơn rồi đến khi đoàn đo đạc về đo đạc thì ông H1 cũng không mời ông, bà ra chứng kiến việc đo đạc và tự ý đo đến nhà ông T, làm phần nọc sắt hàng rào dây chì nghiêng về phía ông, bà. Sau đó, ông bà có mời chính quyền địa phương và đoàn thể ấp đến để chỉnh lại cho thẳng và ông, bà mang trụ đá cắm cập theo trụ sắt của nọc ranh, thời gian sau ông T có ý định chiếm đoạt đất của ông, bà nên nảy sinh làm hàng rào B40, ông T có mời trưởng ấp là ông Bạch Thanh S có mặt để chứng kiến; lúc đó do ông, bà đang bận cấy sào riêng nên không ra xem được và có nói trưởng ấp là ông Bạch Thanh S: “Hai đầu có trụ ranh hết rồi, coi đó mà rào” nhưng ông T làm hàng rào lấn qua phần đất của ông, bà, đến khi cấy sào riêng xong ông, bà ra xem lại thì thấy ông T đã làm xong hàng rào lấn qua phần đất của ông, bà nên có làm đơn gửi đến chính quyền địa phương xã S nhờ giải quyết nhưng ông T yêu cầu địa chính xã đến để đo đạc lại phần đất từ nọc ranh của phần đất ông, bà mà ông T đã làm hàng rào lấn qua phần đất của ông, bà tới 1,4m.

Theo kết quả đo đạc diện tích đất tranh chấp là 53.5m², tại điểm số 5 (trên sơ đồ mô tả) hai bên thống nhất, còn điểm số 1-2 (hai bên tranh chấp điểm này), cạnh 5-1-2 là hàng rào kẽm phía nguyên đơn rào. Ông H, bà D xác định đường

ranh đất của ông, bà là từ điểm số 5-1-2 trên sơ đồ đo đạc hiện trạng (ngay vị trí hàng rào mà nguyên đơn đã rào). Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông bà không đồng ý vì phần đất này ông, bà đã quản lý sử dụng từ lâu, trước đây thuộc quyền sử dụng của ông, bà nhưng không hiểu vì sao Vlap cấp sổ mới lại thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

Do hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đưa vụ án ra xét xử.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2024/DS-ST ngày: 15-08-2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:*

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 157, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B đối với ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Cụ thể tuyên:

1.1. Đường ranh đất giữa thửa đất số 125 với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre là đường nối từ điểm số 5 đến điểm số 4, từ điểm số 4 đến điểm số 3 (đường ranh theo bản đồ địa chính chính quy - Theo Họa đồ thửa đất số 125-89 tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

1.2. Buộc ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B phần đất có diện tích 53,5m² thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre;

Phần đất có bốn cận như sau:

- Bắc giáp thửa 89;
- Nam giáp thửa 125 và rạch;
- Đông giáp thửa 89;
- Tây giáp thửa 125.

(Có họa đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Lê Tấn H có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 222/2024/DS-ST ngày: 15-08-2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Phía nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn; đề nghị HĐXX giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

** Phía bị đơn trình bày:*

Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do việc sử dụng đất giữa hai bên đã có ranh giới từ lâu; đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 222/2024/DS-ST ngày: 15-08-2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, xét kháng cáo của ông H, bà D và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm và thực hiện thủ tục kháng cáo đúng theo quy định nên được xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn, thấy rằng:

Thửa đất số 125, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B ngày 05/12/2012 với diện tích 2725,6m² theo dự án VLAP; còn thửa đất số 89, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D ngày 22/05/2013 với diện tích 6050,7m² theo dự án VLAP. Ông T, bà B và ông H, bà D đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Sau khi nhận, các bên không có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án VLAP. Phía ông H, bà D từ năm 2015 đến 2020, đã nhiều lần sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đối với thửa đất số 89 để thế chấp vay tiền ngân hàng. Mặt khác, tại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 02/07/2011 thể hiện khi đơn vị đo đạc tiến hành xác định ranh giới, mốc giới tại thực địa đối với thửa đất số 125 (thuộc quyền sử dụng của ông T, bà B) thì các chủ sử dụng đất liền kề (trong đó có ông H) đã ký xác nhận vào bản mô tả này; đồng thời tại Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 01/07/2011 đối với thửa đất số 89 (thuộc quyền sử dụng của ông H, bà D) thì các chủ sử dụng đất liền kề (trong đó có ông T) cũng đã ký xác nhận vào bản mô tả này. Như vậy, có căn cứ xác định đường ranh đất giữa thửa đất số 125 và 89, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre là đường ranh theo bản đồ chính quy (Theo VLAP đo đạc).

Căn cứ theo Sơ đồ mô tả kết quả đo đạc thửa đất số 125 và 89 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện: phần đất tranh chấp $53,5\text{m}^2$ nằm trong thửa đất số 125, nếu cộng phần đất tranh chấp này vào phần còn lại của thửa 125 có diện tích $2672,1\text{m}^2$ thì gần bằng so với diện tích đất ông T, bà B được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $2725,6\text{m}^2$; còn nếu cộng phần đất tranh chấp này vào thửa đất số 89 thì thửa đất số 89 sẽ có diện tích $6.104,20\text{m}^2$ (dư $53,5\text{m}^2$ so với diện tích đất được cấp là $6050,7\text{m}^2$).

Ngoài ra, theo hồ sơ thể hiện diện tích đất $6050,7\text{m}^2$ thửa 89 của ông H có nguồn gốc được cha mẹ tặng cho diện tích 4700m^2 (được cấp QSDĐ năm 1995) và diện tích 870m^2 thửa 1399 ông H mua và được cấp QSDĐ năm 2006; tổng diện tích là 5470m^2 . Tại phiên tòa, phía ông H trình bày ông có mua thêm phần đất làm lối đi có diện tích khoảng $1,3 \times 30\text{m} = 39\text{m}^2$. Như vậy, tổng diện tích đất của ông H là khoảng 5.579m^2 . Qua đo đạc theo V để cấp lại Giấy CNQSD năm 2012 thì diện tích đất của ông H tăng lên $6.050,7\text{m}^2$, tăng 471m^2 . Phía ông T theo hồ sơ thể hiện diện tích đất được cấp vào năm 2001 là 2578m^2 . Qua đo đạc theo Vlap năm 2012 diện tích đất tăng lên là $2725,6\text{m}^2$, tăng $147,6\text{m}^2$. Như vậy, cả hai bên qua đo đạc lại theo Valp năm 2012 diện tích đất sử dụng đều tăng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả đo đạc theo Valp năm 2012 được hai bên ký hiệp thương ranh làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định đường ranh đất giữa thửa đất số 125 và 89, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre là đường ranh theo bản đồ chính quy và phần đất tranh chấp ($53,5\text{m}^2$) là thuộc thửa đất số 125, thuộc quyền sử dụng của ông T, bà B đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05/12/2012. Do đó, Tòa án cấp sơ

thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. HĐXX phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà D, giữ nguyên nội dung quyết định bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện C.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Lê Tấn H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 222/2024/DS-ST ngày 15-08-2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà D, ông H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D, ông Lê Tấn H.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 222/2024/DS-ST ngày 15-08-2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 157, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào các Điều 26, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B đối với ông Lê Tấn H, bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Cụ thể tuyên:

1.1. Xác định đường ranh đất giữa thửa đất số 125 với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre là đường nối từ điểm số 5 đến điểm số 4, từ điểm số 4 đến điểm số 3 (đường ranh theo bản đồ địa chính chính quy - Theo Họa đồ thửa đất số 125-89 tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

1.2. Buộc ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B phần đất có diện tích 53,5m² thuộc một phần thửa đất số 125, tờ bản đồ số 17, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phần đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 89;
- Nam giáp thửa 125 và rạch;
- Đông giáp thửa 89;
- Tây giáp thửa 125.

(Có họa đồ kèm theo).

2/. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B số tiền chi phí tố tụng là 3.816.000 đồng (Ba triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng).

3/. Về án phí:

3.1/. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

3.2/. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Tấn H và bà Nguyễn Thị Ngọc D mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ theo 02 biên lai thu số 0003315 ngày 06/9/2024 và số 0003316 ngày 06/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND H.C (1b);
- Chi cục THADS H.C (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Phận

